TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHỦ LÝ** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-ST

Ngày 27 - 6 - 2022

V/v: Kiện xin ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Phương và bà Nguyễn Thị Chương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Hồng Liên - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quang Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2022 về việc: "Kiện xin ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1990; nơi Đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố BC, phường TC, thành phố PL, tỉnh Hà Nam; chỗ ở: Thôn K, xã TN, huyện TL, tỉnh Hà Nam.

* Bị đơn: Anh Trần Trung H2, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ dân phố BC, phường TC, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên tòa, chị H1 có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H2 vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, lời khai của nguyên đơn, các tài liệu chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau:

Chị Nguyễn Thị H1 và anh Trần Trung H2 kết hôn hoàn toàn tự nguyện, trước khi kết hôn đã có thời gian tìm hiểu nhau 03 tháng, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương và được Ủy ban nhân dân xã TC (nay là phường TC), thành phố PL, tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22/4/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận được gần 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, cách sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra xích mích khiến cho cuộc sống hôn nhân nặng nề. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2021 đến nay, không bên nào còn quan tâm đến cuộc sống của

nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H1 đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Trung H2.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Trần Thị Thanh H, sinh ngày 18/01/2012 (con gái). Hiện nay cháu H đang ở với chị H1. Khi vợ chồng ly hôn, chị H1 có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh H2 cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Con nuôi, con riêng: không có. Hiện chị H1 không có thai nghén gì.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ: Chị H1 không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Trung H2 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng anh H2 vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó không có quan điểm của bị đơn.

* Quan điểm của chính quyền địa phương: Nay chị Nguyễn Thị H1 có đơn xin ly hôn anh Trần Trung H2 đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung theo quy định pháp luật.

* Quan điểm của bà Vũ Thị T (là mẹ đẻ anh H2): Chị Nguyễn Thị H1 và anh Trần Trung H2 sau khi kết hôn thì về sống cùng gia đình bà tại tổ dân phố BC, phường TC. Nay chị H1 có đơn xin ly hôn anh H2, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi dưỡng con chung theo quy định pháp luật.

* Tại phiên toà hôm nay: Chị H1 có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trước đó tại Tòa án. Bị đơn anh Trần Trung H2 vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần và không có văn bản gửi Tòa nêu quan điểm về việc giải quyết vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng, ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục, thời gian, tiến hành xác minh thu thập chứng cứ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Căn cứ các Điều 28; 35; 39; 68; 144; 147; 227; 228; 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H1: Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H1 và anh Trần Trung H2.

- Về con chung: Giao cháu Trần Thị Thanh H, sinh ngày 18/01/2012 (con gái) cho chị H1 nuôi dưỡng cho đến khi cháu H trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Trần Trung H2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H1.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Trần Trung H2 có nơi cư trú tại tổ dân phố BC, phường TC, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án "Kiện xin ly hôn, nuôi con chung" giữa chị Nguyễn Thị H1 và anh Trần Trung H2 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về hôn nhân:

Cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H1 và anh Trần Trung H2 là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 22/4/2011 tại Ủy ban nhân dân xã TC (nay là phường TC), thành phố PL, tỉnh Hà Nam thỏa mãn với điều kiện, thủ tục kết hôn được Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H1, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị H1 và anh H2 đã có thời gian đầu chung sống hạnh phúc và có một con chung sau đó mới phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cách sống, vợ chồng không còn tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi, chửi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2021 đến nay không bên nào còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị H1 có đơn xin ly hôn, anh H2 không có quan điểm gì về cuộc hôn nhân cũng cho thấy anh không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân và không mong muốn đoàn tụ trở lại. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, do đó căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H1 là phù hợp với thực tế và pháp luật.

[3] Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Trần Thị Thanh H, sinh ngày 18/01/2012 (con gái). Xét yêu cầu xin nuôi con chung của chị H1 là chính đáng, cháu H còn nhỏ và lại là con gái rất cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ. Quan điểm của cháu H cũng muốn ở với mẹ; do đó Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao con chung cho chị H1 nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp. Chị H1 không yêu cầu cấp dưỡng, nên anh H2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H1.

Con nuôi, con riêng: Chị H1 xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H1 phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H1 và anh Trần Trung H2.

2/ Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị H1 trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Trần Thị Thanh H, sinh ngày 18/01/2012 (con gái) cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Trần Trung H2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nguyễn Thị H1.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H1 phải nộp 300.000 đồng. Chị H1 được đối trừ với 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2021/0000340 ngày 26 tháng 01 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Chị H1 đã nộp đủ án phí.

Quyền kháng cáo đối với bản án: Chị H1, anh H2 vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THA dân sự TP Phủ Lý;
- UBND phường TC, TP Phủ Lý;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Xuyên